

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày 09-9-2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Thuần.
2. Ông Đỗ Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Mã Hà Bửu N; địa chỉ nơi làm việc: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N (có mặt).

- *Bị đơn:* Huỳnh Văn P; cư trú tại: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng N), các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Mã Hà Bửu N trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để phục vụ đời sống, tiêu dùng, anh Huỳnh Văn P ký Hợp đồng thấu chi số 08, ngày 16/3/2018 mở hạn mức thấu chi với Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng với số tiền là 45.000.000 đồng, thời hạn hạn mức thấu chi 12 tháng kể từ ngày 16/3/2018, lãi suất 10.5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức trả thấu chi: hàng tháng Ngân hàng N tự động trích tài khoản thanh toán của anh P để thu nợ thấu chi khi tài khoản thanh toán đăng ký thấu chi của anh P có tiền.

Đến nay, thời hạn vay hạn mức thấu chi đã hết, nhưng anh P không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng N, tính đến ngày 09/9/2020 anh P đã sử dụng hạn mức thấu chi tổng cộng gốc và lãi: 56.881.603 đồng, trong đó nợ gốc: 45.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.881.603 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc anh Huỳnh Văn P trả hết nợ gốc và lãi theo Hợp đồng thấu chi số 08, ngày 16/03/2018 tính đến ngày 09/9/2020 là 56.881.603 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày anh P trả tất nợ cho Ngân hàng N.

- Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phòng trình bày:

Anh P thừa nhận có ký Hợp đồng thấu chi số 08, ngày 16/3/2018 mở hạn mức thấu chi với Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng, hạn mức thấu chi với số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn hạn mức thấu chi 12 tháng kể từ ngày 16/3/2018, lãi suất 10.5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức trả thấu chi: hàng tháng Ngân hàng N tự động trích tài khoản thanh toán của anh P để thu nợ thấu chi khi tài khoản thanh toán đăng ký thấu chi của anh P có tiền.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do kinh tế khó khăn, nên anh P vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng N. Anh P thống nhất tính đến ngày 09/9/2020, số tiền vay thấu chi gốc và lãi 56.881.603 đồng, anh P đồng ý trả cho Ngân hàng N, nhưng xin được giảm toàn bộ phần lãi, anh P trả nợ gốc 45.000.000 đồng trong thời gian ba năm, mỗi năm anh P trả 15.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ vay theo hợp đồng thấu chi mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để phục vụ đời sống, tiêu dùng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Xét Hợp đồng thấu chi số 08, ngày 16/3/2018 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N và anh P. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, 118 và 119 của Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng dụng thấu chi số 08, ngày 16/3/2018 tính đến ngày 09/9/2020 là 56.881.603 đồng, trong đó nợ gốc 45.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 11.881.603 đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định: trong quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay thấu chi là 12 tháng kể từ ngày 16/3/2018, lãi suất 10.5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay phục vụ đời sống, tiêu dùng. Sau khi vay tiền, bị đơn nghỉ việc và điều kiện kinh tế khó khăn, nên đến thời hạn trả nợ vay thấu chi bị đơn chưa thanh toán cho Ngân hàng N. Do anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 5 và Điều 6 của Hợp đồng thấu chi số 08, ngày 16/3/2018, nên việc Ngân hàng N yêu cầu anh P trả hết nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[5] Xét ý kiến của bị đơn anh P đề nghị trả dần khoản vay gốc, miễn toàn bộ phần lãi và lãi phát sinh theo Hợp đồng thấu chi số 08, ngày 16/3/2018, ý kiến của bị đơn không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng N không phải chịu. anh P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Các điều 117, 118 và 119 Bộ luật dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc anh Huỳnh Văn P trả cho Ngân hàng N tiền vay gốc và lãi 56.881.603 (năm mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm lẻ ba) đồng, trong đó nợ gốc 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi quá hạn 11.881.603 (mười một triệu, tám trăm tám mươi một ngàn, sáu trăm lẻ ba) đồng.

Kể từ ngày 10/9/2020 anh P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng thấu chi, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà anh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: anh Huỳnh Văn P phải chịu 2.844.080 (hai triệu, tám trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi) đồng; Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.340.000 (một triệu, ba trăm bốn mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002930 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan